

Số: 20 /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng công trình xây dựng
phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 42/TTr-SNN ngày 24/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công
trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa
bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số
112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về
đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về
đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Người sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Diện tích, vị trí, mục đích xây dựng công trình phục vụ trực
tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

Công trình được xây dựng đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Diện tích đất xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa: Công trình chỉ được xây dựng đối với diện tích đất trồng lúa tập trung có diện tích tối thiểu từ 50 ha trở lên; tỷ lệ diện tích công trình xây dựng tối đa chiếm 0,1% tổng diện tích đất sản xuất nhưng không vượt quá 1.000m².

2. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa được xây dựng ở 01 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa, đảm bảo tổng diện tích theo quy định tại khoản 1 của điều này.

3. Mục đích sử dụng công trình: Công trình được xây dựng chỉ phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP (phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xử lý, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện quy định này tại địa phương.

b) Có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa của các tổ chức, cá nhân; xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa của các tổ chức, cá nhân, lập hồ sơ theo dõi việc xây dựng công trình trên đất theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết bổ sung thêm quy định cho phù hợp điều kiện thực tế thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân

BT

dân thành phố qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

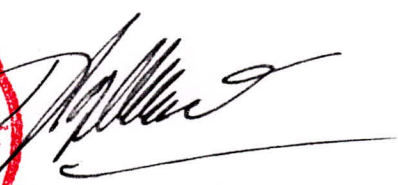
Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế- Bộ NN&MT;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTQ Việt Nam TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Trung tâm Báo chí và Truyền thông TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng NNTNMT;
- Lưu VT, NN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Tùng